

**Phụ lục 01: Phạm vi công việc mua sắm vật tư tiêu hao, vật liệu phụ dùng chung phục vụ BDSC thường xuyên và định kỳ - NMND
Thái Bình 2**

(Đính kèm công văn số 491 /NMĐTB2-TM ngày 25 /3/2026)

Stt	Mã chuẩn hóa	Tên vật tư/thiết bị	Thông số kỹ thuật	Nhà sản xuất, xuất xứ	ĐVT	Khối lượng	Đơn giá trước thuế	Thành tiền trước thuế	Ghi chú
1	16176050	Bình khí Argon	loại 5 lít	Khí Việt Nam	Bình	10			
2	16288005	Keo Three bond 1512	Keo Threebond 1512, (200gr/tuýp)	Threebond/Nhật Bản	Tuýp	6			
3	17180013	Keo Dog X66 (3.3kg/hộp)	Loại 3.3kg/hộp	Dog/Thái Lan	Hộp	1			
4	17180027	Keo dán nguội 2 thành phần TL-T60 (H0259)	700g keo +33g chất đóng rắn	Nilos/Đức	Hộp	9			
5	17180500	Keo dán Epoxy A-B (A:rerin, B: hardener)	Loại vi 56g	Alteco/Thái Lan	Bộ	880			
6	20550002	Thép L cây 6m L80x80x 8	cây 6m L80x80x 8	An Khánh - Việt Nam	Cây	20			
7	21001030	Thép tròn C45 Φ60x6000	C45 Φ60x6000	Hunan Valin Xiangtan/TQ	Cây	4			
8	24410012	Tôn thép SS400: 6000 x 1500 x 14 (mm)	SS400: 6000 x 1500 x 14 (mm)	Hòa Phát - Việt Nam	Tấm	1			
9	24410013	Tôn thép SS400: 6000 x 1500 x 16 (mm)	SS400: 6000 x 1500 x 16 (mm)	Hòa Phát - Việt Nam	Tấm	1			
10	24601064	Ống Syphon kết nối van popet	Ống syphon: 1/4" OD, độ dày 0.065 inch, áp suất làm việc tối đa 6.000 psi, vật liệu SS316. (Gia công theo bản vẽ)	China/việt nam	Mét	20			
11	24839002	Dây máy hàn	tiết diện 25mm	Samwon	M	120			
12	27681001	Dây chì Ø2mm, 99,9%	ĐK 2mm, 1kg/Cuộn	Bảo Ngọc	Kg	2			
13	27681003	Dây chì Ø1mm, 99,9%	ĐK 1mm, 1kg/Cuộn	Bảo Ngọc	Kg	2			

14	33020062	Fuse	660GH-80UL; 80A	Hinode/Japan	Cái	4			
15	33068015	Cầu chì	Fuse 4A 10x38mm	China/việt nam	Cái	4			
16	33080003	Cầu chì	Fuse 160A NH1AR Ultra Fast Part No: 749108	China/việt nam	Piece	4			
17	33098009	Cầu chì 700VAC, 6,3A, 50kA		SIBA/Germany	Cái	10			
18	33098010	Cầu chì 700VAC, 2A, 50kA		SIBA/Germany	Cái	16			
19	33098011	Cầu chì	Model: KF-30CL 2A	Kacon/Korea	Cái	3			
20	37085036	Ống gen cách điện 1mm	ĐK: 1mm	VBV/Trung Quốc	Mét	200			
21	37085037	Ống gen cách điện 2mm	ĐK: 2mm	VBV/Trung Quốc	Mét	15			
22	37085038	Ống gen cách điện 3mm	ĐK: 3mm	VBV/Trung Quốc	Mét	15			
23	37085039	Ống gen cách điện 4mm	ĐK: 4mm	VBV/Trung Quốc	Mét	15			
24	37085041	Ống gen cách điện 20mm	ĐK: 20mm	VBV/Trung Quốc	Mét	15			
25	40210005	Gỗ kê 180x180x1000mm	KT: 180x180x1000mm	Việt Nam	Cái	4			
26	40210006	Gỗ kê 100x100x1000mm	KT: 100x100x1000mm	Việt Nam	Cái	2			
27	40510001	Ván ép 1200x2400x10mm	KT: 1200x2400x10mm	Việt Nam	Chiếc	2			
28	42503069	Sơn dầu 555(18 Lít/thùng)	Sơn màu xanh lá cây mã màu 555	Expo	Hộp	5			
29	42503075	Sơn dầu 444 (18 Lít/thùng)	Sơn màu vàng, Reddish yellow, mã màu 444	Expo	Hộp	5			



30	47070221	Miếng chèn inox 304 Size: 0.1mm x 400mm x 2540mm	Size: 0.1mm x 400mm x 2540mm	Việt Nam	Cuộn	5			
31	47070222	Miếng chèn inox 304 Size: 0.2mm x 400mm x 2540mm	Size: 0.2mm x 400mm x 2540mm	Việt Nam	Cuộn	5			
32	47070223	Miếng chèn inox 304 Size: 0.3mm x 400mm x 2540mm	Size: 0.3mm x 400mm x 2540mm	Việt Nam	Cuộn	2			
33	47070224	Miếng chèn inox 304 Size: 0.4mm x 400mm x 2540mm	Size: 0.4mm x 400mm x 2540mm	Việt Nam	Cuộn	2			
34	47070225	Miếng chèn inox 304 Size: 0.5mm x 400mm x 2540mm	Size: 0.5mm x 400mm x 2540mm	Việt Nam	Cuộn	2			
35	48572173	Gioăng chỉ NBR 7.5mm	Cao su NBR, ĐK 7.5mm	Khánh Đạt	M	25			
36	48572257	Hộp oring	ORK5B HNBR70	Bình An/Việt Nam	Hộp	3			
37	48749005	Băng keo hai mặt màu trắng bản 50mm	rộng 50mm, dài 45m/cuộn	Astar/Việt Nam	Cuộn	15			
38	48846034	Dây dẫn khí argon Ø6, ống nhựa dẻo PVC	Ø6, ống nhựa dẻo PVC	Bảo Ngọc	Mét	200			
39	48920005	Bếp cắt Plasma dòng cắt 150a	Bếp cắt Plasma dòng cắt 150A	Black Wolf/Trung Quốc	Bộ	5			
40	51093005	Nhám trụ 80x25mm, đuôi 6mm	ĐK đuôi 6mm, ĐK đá 80mm, dài 25mm	Hải Dương	Chiếc	3			
41	51602010	Battery NVRAM	M4T32-BR12SH1 Timekeeper Snaphat Lithium battery	ST/Trung Quốc	Cái	54			
42	58574018	Teadit NA-1005, 5.0x1500x1600mm	KT: 5.0x1500x1600mm	TEADIT/Brazil	Tấm	6			

43	80502004	Mũi khoan tâm Size 4	Size 4	Garant	Cái	5			
44	80508112	Mũi khoan sắt 13 chi tiết Benz	19 chi tiết(1, 1.5, 2, 2.5, 3, 3.5, 4, 4.5, 5, 5.5. 6, 6.5 , 7, 7.5,8, 8.5, 9, 9.5, 10mm)	Benz/Trung Quốc	Hộp	2			
45	80540007	Mũi khoan bê tông D18, 2 cạnh gài	Đường kính 18mm	Soyi/Trung Quốc	Bộ	1			
46	81010047	Cán dao tiện ren ngoài 25x25	25x25	Wellong/Trung Quốc	Cái	1			
47	81010068	Thanh thép gió Horex	Thanh thép gió Horex Vật liệu HSS-Co10 10x10x200	HJW/Trung Quốc	Thanh	5			
48	81010069	Thanh thép gió Horex Vật liệu HSS-Co10 8x8x200	Thanh thép gió Horex Vật liệu HSS-Co10 8x8x200	HJW/Trung Quốc	Thanh	6			
49	81010070	Hộp chíp (Hộp 10 cái cho mỗi loại dao) Size 20	Size 20	Garant	Hộp	2			
50	81010071	Hộp chíp (Hộp 10 cái cho mỗi loại dao) Size 25	Size 25	Garant	Hộp	2			
51	81010072	Hộp chíp (Hộp 10 cái cho mỗi loại dao) Size 32	Size 32	Garant	Hộp	2			
52	81010073	Hộp chíp (Hộp 10 cái cho mỗi loại dao) Size 40	Size 40	Garant	Hộp	2			
53	81010074	Chíp dao tiện ren trong 55o (hộp 10 cái) Size 08	Size 08	Carmex	Cái	5			
54	81010075	Chíp dao tiện ren trong 55o (hộp 10 cái) Size 11	Size 11	Carmex	Cái	5			

55	81010076	Chíp dao tiện ren trong 55o (hộp 10 cái) Size 16	Size 16	Carmex	Cái	5			
56	81010077	Chíp dao tiện ren trong 60o (hộp 10 cái) Size 08	Size 08	Carmex	Cái	5			
57	81010078	Chíp dao tiện ren trong 60o (hộp 10 cái) Size 11	Size 11	Carmex	Cái	5			
58	81010079	Chíp dao tiện ren trong 60o (hộp 10 cái) Size 16	Size 16	Carmex	Cái	5			
59	81010083	Chíp dao tiện ren ngoài 55o (hộp 10 cái)	Bước 0.5~3.0mm	Carmex	Hộp	3			
60	81010084	Chíp dao tiện ren ngoài 60o (hộp 10 cái)	Bước 0.5~3.0mm	Carmex	Hộp	3			
61	81010092	Dao cắt rãnh gấn chíp 3mm	Cắt sâu 21mm	Garant	Cái	50			
62	81010093	Cán dao cắt rãnh gấn chíp 3mm		Garant	Cái	1			
63	81010097	Dao tiện ngoài hàn mảnh hợp kim Phải	Phải. Cán 25	Horex	Cái	5			
64	81010098	Dao tiện ngoài hàn mảnh hợp kim Trái	Trái. Cán 25	Horex	Cái	5			
65	81010099	Dao tiện trong hàn mảnh hợp kim Phải	Phải. Cán 25	Horex	Cái	5			
66	81010100	Dao tiện trong hàn mảnh hợp kim Trái	Trái. Cán 25	Horex	Cái	5			
67	81030003	Dao phay ngón Size 14	Size 14	Garant	Cái	1			
68	81035003	Dao phay rãnh T ghép mảnh hợp kim	Kích thước 25,5x5	Garant	Cái	1			
69	81056001	Dao phay rãnh mang cá D16x45°	D16x45°	Garant	Cái	1			

70	81056002	Dao phay rãnh mang cá D20x45°	D20x45°	Garant	Cái	1			
71	81056003	Dao phay rãnh mang cá D25x45°	D25x45°	Garant	Cái	1			
72	81068005	Mảnh cắt đi kèm	Size : D80	Garant	Cái	36			
73	81550013	Đá mài ráp xếp 100mm độ nhám #150	Đá mài ráp xếp 100mm độ nhám #150	Hải Dương	Viên	180			
74	81550016	Nhám xếp Ø125x22mm, #80	ĐK 125mm, lỗ 16mm, độ nhám P80	Hải Dương	Viên	100			
75	81550017	Nhám xếp Ø125x22mm, #120	ĐK 125mm, lỗ 16mm, độ nhám P120	Hải Dương	Viên	50			
76	81590015	Đá mài phẳng thô	350 x 50 x 127	Tyrolit	Cái	5			
77	83313001	Mỏ hàn kệt cho máy hàn Tig để hàn ống lò	Mỏ hàn tig WT 150FL WT 150A/ G23/G41/G42/G43/B23	Wontech/Hàn Quốc	Bộ	5			
78	83373037	Điện cực P80 - Black wolf	Điện cực P80 - Black wolf	Black Wolf/Trung Quốc	Cái	60			
79	83585055	Sủi cán dài 500mm + Hộp dao 10 lưỡi;3SD10	Sủi cán dài 500mm + Hộp dao 10 lưỡi;3SD10; 545mm x 120mm x 23mm;	Thanh Bình/VN	Cái	5			
80	83585213	Sủi cạo sơn loại nhỏ	Cây xủi cán nhựa 5cm	Asaki/Trung Quốc	Cái	50			
81	84070019	Túi đựng rác bóng đen loại 30Kg	Túi đựng rác bóng đen loại 30Kg	Linh Anh	Kg	20			
82	33068021	Chì ống thủy tinh	0.25A 250V 5x20mm	OEM/China	Cái	500			
83	33068001	Chì ống thủy tinh	5A 250V 5x20mm	OEM/China	Cái	100			
84	33068022	Chì ống thủy tinh	3A 250V 5x20mm	OEM/China	Cái	100			
85	33068023	Chì ống thủy tinh	2A 250V 6x30mm	OEM/China	Cái	40			
86	33068024	Chì ống thủy tinh	1A 250V 6x30mm	OEM/China	Cái	20			



87	83555028	Xô inox 5 lít	+ Chất liệu inox 304 + Đường kính miệng: 25cm	Hưng Thịnh/Việt Nam	Cái	8			
88	49240022	Găng tay chịu nhiệt 1000÷1500 độ	Găng tay chống cháy trắng bạc (lòng bàn tay màu rêu) Chịu nhiệt bức xạ: 1000- 1500 độ Lòng bàn tay là da chống cháy, chống cắt màu xanh rêu - 5 lớp, lớp ngoài trắng nhôm + da, lớp trong Aramid + Kevla và lớp lót chịu nhiệt KTA1500R	Hàn Quốc	Đôi	5			
89	32060007	Dây xiết nhựa L400mm (500 chiếc/túi)		Jingda/Trung Quốc	Bịch	1			
90	81086079	Bàn ta rô ren tiêu chuẩn M14		Horex	Bộ	1			
91	81086080	Bàn ta rô ren tiêu chuẩn M16		Horex	Cái	1			
92	81086081	Bàn ta rô ren tiêu chuẩn M18		Horex	Cái	1			
93	81086082	Bàn ta rô ren tiêu chuẩn M20		Horex	Cái	1			
94	81086085	Bàn ta rô ren tiêu chuẩn M22		Horex	Cái	1			
95	81086097	Bàn ta rô ren tiêu chuẩn M24		Horex	Cái	1			
5	24635122	Ống dẫn xung Inox Ø12x0.5mm		China/việt nam	Mét	80			

97	43028034	Que hàn chịu nhiệt và chịu lực 9015B9, 3.2mm		Kiswell/Hàn Quốc	Kg	10			
98	49101005	Tấm thấm dầu N-FIBER P45 - Vật liệu: Polypropylen. - Kích thước: 40cm x 50cm x 5mm. - Khả năng thấm hút: 1.8L/tấm. - Đóng gói: 100 tấm/ kiện"		Green/trung Quốc	Pieces	10			
99	48875006	Zoăng chữ A (Oring côn): 40x20x10x4mm Vật liệu: Cao su chịu nhiệt trên 270 độ		Bảo Ngọc	Cái	200			
100	81010120	Cán dao tiện lỗ trong SDQCR2525M11	SDQCR2525M11	Wisdom/Trung Quốc	Cái	1			
101	81010121	Cán dao tiện phải Kích thước: 25x25 mm Chiều dài: 250 mm	Kích thước: 25x25 mm Chiều dài: 250 mm	Wisdom/Trung Quốc	Cái	1			
102	81010122	Cán dao tiện trong S16S-MTUNR16	Kích thước: Ø16 mm, dài 150 mm	Wisdom/Trung Quốc	Cái	1			
103	80508113	Mũi khoan FCT H-NSD D35	FCT H-NSD D35	Prospect/Trung Quốc	Cái	1			
104	81010123	Cán dao tiện phải WTJNR2525M16	Kích thước: 25x25 mm Chiều dài: 250 mm	Wisdom/Trung Quốc	Cái	1			
105	81010124	Cán dao tiện trong S10K-SDUCR07	Cán tròn Ø10 mm, dài ~125 mm	Trung Quốc/Việt Nam	Cái	1			
106	81010125	Cán dao tiện ren SER/L 08K-S16	Cán tròn Ø8mm, dài ~100 mm	Trung Quốc/Việt Nam	Cái	1			



107	20530001	Thanh thép 50 x 1200L x dày 10mm (Thép đen mạ kẽm)	Thanh thép 50 x 1200L x dày 10mm (Thép đen mạ kẽm)	YINGKOU - Trung Quốc	Tấm	9			
108	20530002	Thanh thép A36	Thanh thép A36 + Vật liệu: thép A36 + Kích thước: 1200x100 mm + Bề dày: 10mm	Tangshan - Trung Quốc	Thanh	9			
109	20530003	Thanh thép A36	Thanh thép A36 + Vật liệu: thép A36 + Kích thước: 300x100 mm + Bề dày: 10mm	Tangshan - Trung Quốc	Thanh	14			
110	24430002	Thép chịu mài mòn AR400	Thép chịu mài mòn Hardox 400 Kích thước: 1230x2000x6mm	SSAB - Thụy Điển	Tấm	4			
111	24430003	Thép Tấm AR400	Thép Tấm Hardox 400 660x2000x8mm	SSAB - Thụy Điển	Tấm	6			
112	24430004	Thép tấm AR400	Thép tấm Hardox 400 1260x2000x8mm	SSAB - Thụy Điển	Tấm	4			
113	24435069	Thép tấm inox 316	Thép tấm inox 316, kích thước: 400x400x1mm	Posco - Việt Nam	Tấm	1			
114	24435073	Thép tấm inox 316	Thép tấm inox 316, kích thước: 500x500x1mm	Posco - Việt Nam	Tấm	1			
115	24635104	Thép ống	Thép ống 2000x16mm, dày 2,31 mm, vật liệu Inox 316	YINGKOU - Trung Quốc	Cây	2			
116	24635105	Thép ống	Thép ống 2000x20mm, dày 2,11 mm, vật liệu Inox 316	YINGKOU - Trung Quốc	Cây	20			
117	26005007	Phôi đồng đỏ Ø34x1000mm	Phôi đồng đỏ Ø34x1000mm	Foshan Huahong - Trung Quốc	Thanh	3			

118	26005017	Phôi đồng đỏ Ø40 x 500mm	Phôi đồng đỏ Ø40 x 500mm	Foshan Huahong - Trung Quốc	Thanh	3			
119	26005021	Phôi đồng đỏ	Phôi đồng đỏ Ø32 x 1000mm	Gia Võ/VN	Thanh	1			
120	26005023	Thanh đồng mạ niken	Thanh đồng mạ niken: 30x600x5mm	Ban Hay	Thanh	2			
121	49080033	Phôi nhựa Teflon	Phôi nhựa Teflon Ø49x800mm	Shenzhen Xiong Yihua Plastic - Trung Quốc	Mét	3			
122	81010062	Dao tiện rãnh trong 9-16.3R	9-16.3R	Wellong/Trung Quốc	Cái	1			
123	81010063	Dao tiện rãnh trong 9-25R	9-25R	Wellong/Trung Quốc	Cái	1			
124	83565005	Bàn chải sắt cán gỗ	TYPES OF BRUSHES, BROOMS,... TYPE: Hand wire brush – steel bristles, wood handle SIZE: Overall length 235; brush section length 90; handle thickness 10; bristle height 20 mm MATERIAL: High-grade steel wire bristles; wooden handle	Việt Mỹ	Cái	200			



125	17180010	Keo tản nhiệt CPU	Tản nhiệt CPU máy tính Độ cô đặc: 2.6g/cm3 khả năng dẫn nhiệt: 8W/mK Khả năng dẫn điện: 0pS/m Trọng lượng: 1.5g"	CoolerMaster	Lọ	20			
126	51602008	Battery CMOS	3V, CR2032 Lithium	Camelion	Cái	160			
Tổng cộng thành tiền trước VAT:									
Thuế VAT:									
Tổng cộng thành tiền sau VAT:									
<i>Bằng chữ:</i>									

